

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 16/11/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	23641210	Lê Trường	An	10/09/2003	Nam	Cà Mau	A2	B302
02	A2-002	23662040	Hồ Quỳnh	Anh	29/09/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
03	A2-003	23641175	Lê Thị Tú	Anh	25/08/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
04	A2-004	23635079	Nguyễn Phú Tiến	Anh	12/04/2005	Nam	Quảng Trị	A2	B302
05	A2-005	23635069	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/05/2005	Nữ	Quảng Trị	A2	B302
06	A2-006	22641027	Bùi Thị Ngọc	Ánh	16/08/2001	Nữ	Tây Ninh	A2	B302
07	A2-007	23641328	Nguyễn Duy Ngọc	Ánh	08/02/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
08	A2-008	23600306	Ngô Hoàng Thanh	Bình	05/04/2005	Nam	Long An	A2	B302
09	A2-009	23612012	Lê Bé	By	14/12/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B302
10	A2-010	23612053	Phụng Tấn Gia	Cốp	09/07/2004	Nam	Ninh Thuận	A2	B302
11	A2-011	23600227	Nguyễn Hải	Đăng	10/11/2005	Nam	Đồng Tháp	A2	B302
12	A2-012	24641148	Võ Thị Hồng	Diễm	25/05/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
13	A2-013	23661085	Huỳnh Quốc	Doanh	13/09/2005	Nam	Gia Lai	A2	B302
14	A2-014	23641056	Hồ Minh	Đức	08/02/2004	Nam	Kiên Giang	A2	B302
15	A2-015	23641166	Lê Văn Đức	Đức	03/08/2005	Nam	Vĩnh Phúc	A2	B302
16	A2-016	23661057	Trần Lê Minh	Đức	02/11/2002	Nam	Long An	A2	B302
17	A2-017	23635054	Nguyễn Thị Kim	Dung	29/09/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
18	A2-018	23631253	Đặng Thị Xuân	Dương	24/03/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
19	A2-019	23600218	Lê Quang	Duy	23/01/2005	Nam	TP. HCM	A2	B302
20	A2-020	23631053	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	01/03/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
21	A2-021	23641206	Bùi Phan Thanh	Hải	19/11/2000	Nam	TP. HCM	A2	B302
22	A2-022	23612058	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	07/09/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
23	A2-023	23631348	Phạm Ngọc Gia	Hân	21/11/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B302
24	A2-024	23611145	Trần Thị Thanh	Hằng	16/06/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
25	A2-025	23631367	Kỷ Mai	Hạnh	18/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
26	A2-026	23600177	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/09/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
27	A2-027	24641210	Nguyễn Ngọc	Hiền	13/01/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
28	A2-028	23600109	Nguyễn Thị Kim	Hoa	14/09/2005	Nữ	Bình Định	A2	B302
29	A2-029	23635021	Phan Thị Bích	Hồng	14/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
30	A2-030	23641212	Lê Thị Hồng	Huệ	27/09/2005	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	B302
31	A2-031	23611126	Lê Quốc	Hưng	14/11/2005	Nam	Phú Yên	A2	B302
32	A2-032	24671014	Nguyễn Đăng Quỳnh	Hương	03/12/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
33	A2-033	23631125	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	06/10/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 16/11/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-034	23662055	Nguyễn Phước Thảo	Hương	14/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
02	A2-035	23631126	Nguyễn Ngọc Diễm	Hương	06/10/2025	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
03	A2-036	23641214	Nguyễn Chánh	Huy	16/11/2004	Nam	hừa Thiên - H	A2	B303
04	A2-037	23635090	Nguyễn Hoàng Quốc	Huy	05/08/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
05	A2-038	23635045	Lê Thị Tiểu	Huyền	07/01/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
06	A2-039	23641229	Võ Thị Ngọc	Huỳnh	12/01/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
07	A2-040	23635147	Lê Tấn	Khang	05/10/2005	Nam	Hậu Giang	A2	B303
08	A2-041	23600237	Nguyễn Quốc	Khánh	01/08/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B303
09	A2-042	23641193	Lê Xuân Anh	Khôi	17/12/2005	Nam	Ninh Thuận	A2	B303
10	A2-043	23600286	Trần Hoàng	Khôi	03/03/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
11	A2-044	23641057	Nguyễn Thu	Kiều	15/08/2003	Nữ	Hậu Giang	A2	B303
12	A2-045	23600312	Nguyễn Nhật Thiên	Kim	30/04/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
13	A2-046	23611167	Từ Vĩnh	Lâm	03/11/2003	Nam	TP. HCM	A2	B303
14	A2-047	23641218	Lê Thị Thu	Lan	08/03/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
15	A2-048	25661039	Ngô Thị	Lan	04/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
16	A2-049	23682057	Nguyễn Xuân	Liều	21/04/2005	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	B303
17	A2-050	23600303	Lê Thị Ngọc	Linh	11/05/2005	Nữ	Bình Định	A2	B303
18	A2-051	23641240	Nguyễn Thị Phương	Linh	05/07/2001	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
19	A2-052	23631366	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/09/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
20	A2-053	23641213	Hà Võ Bích	Loan	24/03/2005	Nữ	Bình Định	A2	B303
21	A2-054	21635002	Phạm Thị Mai	Loan	29/10/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B303
22	A2-055	23600228	Nguyễn Văn Thành	Long	17/08/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
23	A2-056	21631075	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	08/01/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
24	A2-057	23631094	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	18/10/2025	Nữ	Bình Phước	A2	B303
25	A2-058	23641407	Võ Lâm Hoàng	Minh	02/03/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
26	A2-059	23641217	Lương Thị Nguyệt	Nga	17/04/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
27	A2-060	23641211	Nguyễn Thị Thu	Ngân	08/01/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
28	A2-061	23641239	Phạm Thị Thanh	Ngân	15/12/2005	Nữ	Cần Thơ	A2	B303
29	A2-062	23612099	Trần Thu	Ngân	14/05/2005	Nữ	Phú Yên	A2	B303
30	A2-063	23631359	Trần Thị Tuyết	Ngân	28/04/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
31	A2-064	23631393	Nguyễn Hữu	Nghĩa	15/06/2003	Nam	Long An	A2	B303
32	A2-065	23635080	Trần Đại	Nghĩa	14/03/2005	Nam	Bình Dương	A2	B303
33	A2-066	23641235	Huỳnh Lê Kim	Ngọc	25/12/2004	Nữ	Bình Dương	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Khóa thi: 16/11/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-067	23682050	Vương Thị Ánh	Ngọc	07/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
02	A2-068	23600120	Lê Thị Thanh	Nhân	15/11/2005	Nữ	Long An	A2	B304
03	A2-069	23641174	Nguyễn Hoàng	Nhân	18/10/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B304
04	A2-070	23600276	Võ Lạc Minh	Nhân	02/11/2003	Nam	Đồng Tháp	A2	B304
05	A2-071	23611016	Châu Nguyễn Thảo	Nhi	11/09/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
06	A2-072	23600301	Đỗ Thị Yến	Nhi	11/07/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
07	A2-073	23631331	Nguyễn Bùi Yến	Nhi	13/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
08	A2-074	23600174	Trần Thị Tuyết	Nhi	28/12/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
09	A2-075	23635100	Võ Thị Hồng Lạc	Nhi	19/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
10	A2-076	23612091	Lê Ngọc Quỳnh	Như	03/09/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B304
11	A2-077	23611130	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	01/10/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
12	A2-078	23641197	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/03/2005	Nữ	Long An	A2	B304
13	A2-079	23682030	Phạm Thị Quỳnh	Như	27/08/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
14	A2-080	22661135	Nguyễn Minh	Nhựt	21/12/2000	Nam	Đồng Tháp	A2	B304
15	A2-081	22612033	Trần Mai	Phương	07/12/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
16	A2-082	23682029	Đặng Nguyệt	Quế	01/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
17	A2-083	23641190	Nguyễn Mỹ	Quyên	04/12/2005	Nữ	Long An	A2	B304
18	A2-084	23600255	Nguyễn Thị Tấn	Quyên	01/03/2005	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
19	A2-085	23612015	Đặng Thị Ngọc	Quỳnh	09/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
20	A2-086	23611149	Trần Thế	Son	23/02/2004	Nam	Tiền Giang	A2	B304
21	A2-087	23641470	Phạm Lê Thanh	Tài	15/06/2005	Nam	Đồng Nai	A2	B304
22	A2-088	23682038	Bùi Đào Băng	Tâm	10/11/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B304
23	A2-089	23651030	Mai Nguyễn Duy	Tâm	01/01/2005	Nam	Đồng Nai	A2	B304
24	A2-090	22671014	Lê Bích Ngọc	Thanh	24/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
25	A2-091	23600310	Nguyễn Thị Hà	Thanh	10/09/2005	Nữ	Bắc Giang	A2	B304
26	A2-092	23611161	Võ Tấn	Thành	04/10/2005	Nam	TP. HCM	A2	B304
27	A2-093	23600214	Hà Thanh	Thảo	07/06/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B304
28	A2-094	23682056	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	15/07/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
29	A2-095	24635140	Nguyễn Thanh	Thảo	16/02/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
30	A2-096	23600222	Phạm Thị Thu	Thảo	02/01/2005	Nữ	Đắk Nông	A2	B304
31	A2-097	23641278	Trần Thị Anh	Thảo	17/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
32	A2-098	23631022	Trần Thị Ngọc	Thu	07/09/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
33	A2-099	23611148	Đinh Anh	Thư	15/12/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Khóa thi: 16/11/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-100	23635042	Hoàng Thị Kim	Thư	28/08/2005	Nữ	Hải Phòng	A2	B306
02	A2-101	23600149	Huỳnh Thị Thanh	Thư	13/08/2005	Nữ	Khánh Hòa	A2	B306
03	A2-102	23635031	Nguyễn Thị Bích	Thư	12/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
04	A2-103	24635079	Vũ Đào Anh	Thư	09/10/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B306
05	A2-104	23641333	Trần Thị Phương	Thùy	12/05/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B306
06	A2-105	23635092	Nguyễn Vũ Kim	Thy	25/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
07	A2-106	23631063	Võ Thị Phước	Tiên	03/05/2004	Nữ	Vĩnh Long	A2	B306
08	A2-107	23641286	Nguyễn Thị Nhiều	Tiền	23/10/2005	Nữ	Long An	A2	B306
09	A2-108	23612077	Huỳnh Nguyễn Quốc	Toàn	08/03/2005	Nam	Bình Thuận	A2	B306
10	A2-109	23635115	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	24/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
11	A2-110	23611124	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	08/07/2005	Nữ	Bình Định	A2	B306
12	A2-111	23600140	Hồ Ngọc	Trinh	13/06/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
13	A2-112	23631046	Nguyễn Ngọc Lan	Trinh	07/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
14	A2-113	23612061	Nguyễn Tuyết	Trinh	07/12/2005	Nữ	Bình Định	A2	B306
15	A2-114	23600322	Phan Thị Phương	Trinh	14/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
16	A2-115	23611129	Nguyễn Anh	Tú	22/02/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B306
17	A2-116	23600309	Trần Lạc Khả	Tú	27/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
18	A2-117	23661088	Phạm	Tuân	09/03/2005	Nam	Bình Phước	A2	B306
19	A2-118	23682035	Huỳnh Văn	Tuấn	12/02/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B306
20	A2-119	23641177	Lê Văn	Tuấn	25/09/2005	Nam	Long An	A2	B306
21	A2-120	23641014	Lâm Vĩnh	Tường	03/11/2000	Nam	Cà Mau	A2	B306
22	A2-121	23641291	Nguyễn Phạm Cẩm	Tuyên	06/11/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B306
23	A2-122	23612086	Trần Thị Ánh	Tuyết	03/06/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
24	A2-123	24635176	Lê Nguyễn Tường	Vân	18/05/2006	Nữ	Ninh Thuận	A2	B306
25	A2-124	23600059	Vũ Phạm Quang	Vinh	16/11/2005	Nam	Đồng Nai	A2	B306
26	A2-125	23631375	Hoàng Ngọc Tường	Vy	08/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
27	A2-126	23641032	Nguyễn Ái	Vy	15/11/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B306
28	A2-127	23641318	Nguyễn Hoàng Thanh	Vy	24/12/2005	Nữ	Long An	A2	B306
29	A2-128	23600138	Nguyễn Hoàng Thuý	Vy	24/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
30	A2-129	23631107	Nguyễn Tường	Vy	15/10/2005	Nữ	Long An	A2	B306
31	A2-130	23641184	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
32	A2-131	21611123	Phan Thị Thuý	Yên	14/04/2001	Nữ	Trà Vinh	A2	B306
33	A2-132	23600331	Trần Đặng Hoàng	Yến	22/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
34	A2-133	23635098	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	07/11/2004	Nữ	Long An	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 16/11/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
Tiếng Anh - Trình độ tương đương B1									
01	B1-01	25613071	Vũ Quỳnh	Anh	02/12/2006	Nữ	Bình Phước	B1	B308
02	B1-02	23613133	Nguyễn Thuý	Âu	20/04/2005	Nữ	Bạc Liêu	B1	B308
03	B1-03	23613178	Lê Tấn	Đạt	23/09/2005	Nam	Vĩnh Long	B1	B308
04	B1-04	23613003	Phan Thị Hiền	Diệu	06/09/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B308
05	B1-05	23613112	Bùi Thị Mỹ	Duyên	01/06/2005	Nữ	Tiền Giang	B1	B308
06	B1-06	23613154	Nguyễn Thị Thuý	Duyên	02/10/2005	Nữ	Phú Yên	B1	B308
07	B1-07	24635070	Lâm Thanh	Huyền	05/04/2006	Nữ	Bình Thuận	B1	B308
08	B1-08	23613207	Huỳnh Tấn	Khanh	07/04/2004	Nam	TP. HCM	B1	B308
09	B1-09	23613016	Nguyễn Yến	Ngân	05/10/2004	Nữ	Bến Tre	B1	B308
10	B1-10	23613065	Trần Như	Ngọc	30/12/2005	Nữ	Tiền Giang	B1	B308
11	B1-11	23613044	Lâm Ái	Nguyên	20/03/2005	Nữ	Cà Mau	B1	B308
12	B1-12	23621122	Lê Ngọc Yến	Nhi	08/10/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B308
13	B1-13	23613198	Ngô Nữ Yến	Nhi	10/09/2005	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B308
14	B1-14	23635131	Bùi Thị Anh	Thư	17/04/2005	Nữ	Trà Vinh	B1	B308
15	B1-15	23635099	Lâm Quốc	Tôn	25/12/1999	Nam	TP. HCM	B1	B308
16	B1-16	23613077	Lượng Ngọc	Trinh	07/07/2005	Nữ	Long An	B1	B308
Tiếng Anh - Trình độ tương đương B2									
17	B2-01	22621022	Huỳnh Vĩ	Đạt	01/03/1999	Nam	TP. HCM	B2	B308
18	B2-02	23621120	Nguyễn Thị Phương	Hà	17/02/2005	Nữ	Lâm Đồng	B2	B308
19	B2-03	23621021	Phạm Thị Thanh	Hằng	13/10/2025	Nữ	Long An	B2	B308
20	B2-04	23621078	Đặng Ngọc	Hạnh	25/07/2005	Nữ	Long An	B2	B308
21	B2-05	23621028	Võ Thị Tú	Ngân	11/04/2005	Nữ	Bình Thuận	B2	B308
22	B2-06	23621010	Nguyễn Võ Hoàng	Phương	06/05/2003	Nữ	An Giang	B2	B308
23	B2-07	20621177	Nguyễn Hoàng	Thắng	20/08/1998	Nam	TP. HCM	B2	B308
24	B2-08	24631144	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	17/06/2005	Nữ	TP. HCM	B2	B308
25	B2-09	23621018	Lý Thị Thanh	Thuý	04/11/2005	Nữ	TP. HCM	B2	B308
26	B2-10	23621044	Lê Thị Yến	Vy	03/07/2005	Nữ	Bình Định	B2	B308

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.